

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2026/HNGĐ - ST**

Ngày 30/7/2026

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lan

Ông Lương Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị H**, sinh năm 2001
Địa chỉ: **Bản P, phường M, tỉnh Điện Biên.**

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn H1**, sinh năm 1998
Địa chỉ: **Bản L, xã T, tỉnh Điện Biên.**

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2026 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị **Lò Thị H** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lò Thị H** và anh **Quàng Văn H1** chung sống cùng nhau từ tháng 2 năm 2022 nhưng đến ngày 22/10/2022 mới đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện**

Biên). Chị **H** và anh **H1** kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống và kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 11 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên không thể chung sống với nhau được nữa. Chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Quàng Văn H1**.

Về con chung: Chị **H** khai, chị và anh **H1** có 01 con chung là cháu **Quàng Văn A**, sinh ngày 06/11/2022. Chị **H** có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên đã thụ lý vụ án và tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của chị **H** cho anh **H1** biết để anh **H1** thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh **H1** không gửi ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **H1** vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Chị **H** xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **H1** và xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, vi phạm các Điều 70; 72/BLTTDS.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Lò Thị H**, giao con chung là cháu **Quàng Văn A**, sinh ngày 06/11/2022 cho chị **H** được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận việc chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị **Lò Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí chị **H** đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị **Lò Thị H** yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Quàng Văn H1** và yêu cầu giải quyết về con chung. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh **Hoàng cư T** tại bản Bản Lún, **xã T, tỉnh Điện Biên** nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2026, Tòa án mở phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh **H1** vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, Tòa án mở phiên tòa, anh **H1** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị **H** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228/BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Lò Thị H** và anh **Quàng Văn H1** chung sống với nhau từ tháng 2 năm 2022 nhưng đến ngày 22/10/2022 mới đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên)**. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **H1** là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị **H** khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2026, trưởng bản Lún **xã T, tỉnh Điện Biên** đồng thời là cậu của anh **H1** đã cung cấp. Cuối năm 2023, anh **H1** và chị **H** có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Hiện nay chị **H** đã về **bản P, phường M** sinh sống. Vì vậy HĐXX nhận định mâu thuẫn giữa anh **H1** và chị **H** là có thật, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **H1** không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị **H**, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa

giải nhưng anh H1 vắng mặt, thể hiện anh H1 không có thiện trí hoà giải. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị H.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh H1 có 01 con chung là cháu **Quàng Vân A**, sinh ngày 06/11/2022 đang ở cùng với chị H.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho con chung và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị H. Giao con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản*:

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58 Điều 81 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Lò Thị H** được ly hôn anh **Quàng Văn H1**.

2. *Về con chung*: Chị **Lò Thị H** được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung **Quàng Vân A**, sinh ngày 06/11/2022 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản*: Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị **Lò Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị **H** đã nộp theo biên lai thu tiền số 40 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Chị **H** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị **Lò Thị H** và anh **Quàng Văn H1** đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Khu vực 2 - Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Thanh Yên; tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Dương